TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST Ngày: 11-12-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân

Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lý Thị Phương T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung H, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Sơn D, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung B, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Suối T, xã Thắng H, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Thị Phương T trình bày:

Bà và ông D tổ chức tiệc cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sau này phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cải vã, nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân khoảng 05 – 06 năm nay. Nay hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lý Thị Phương T1,

sinh ngày 08/8/2012 và Lý Thị Phương T2, sinh ngày 08/8/2012, hiện hai con đang sống cùng bà, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại tờ tường trình ngày 15/11/2023 bị đơn ông Sơn D có lời trình bày:

Ông và bà T có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc với nhau và có 02 con chung. Tuy nhiên, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ ông không chung thủy, nên vợ chồng dẫn đến bất hòa, không có tiếng nói chung, hiện nay đã sống ly thân với nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lý Thị Phương T1, sinh ngày 08/8/2012 và Lý Thị Phương T2, sinh ngày 08/8/2012, hiện cả 02 con đều đang sống cùng mẹ, ông đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông D. Về con chung, giao bà T được quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung, cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung, đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông D có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện, bà T và ông D có đăng ký kết hôn, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đã ly thân khoảng 05 – 06 năm nay. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị

đơn đồng ý thuận tình ly hôn, xét thấy đây là ý tự thỏa thuận của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Bà T và ông D thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Lý Thị Phương T1, sinh ngày 08/8/2012 và Lý Thị Phương T2, sinh ngày 08/8/2012, hiện các con đang sống cùng bà T. Tại phiên tòa bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tại tường trình ông D đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi, phù hợp với nguyện vọng của các con được Tòa án ghi nhận vào ngày 13/11/2023, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao các cháu T1, cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà T đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lý Thị Phương T được ly hôn với ông Sơn D.

2. Về quyền nuôi con: Giao bà Lý Thị Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Lý Thị Phương T1, sinh ngày 08/8/2012 và Lý Thị Phương T2, sinh ngày 08/8/2012 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Sơn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự trình bày không có và không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Lý Thị Phương T nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008286 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc

niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Tuân T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp